

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức M; cư trú tại tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Thanh N; ĐKTT: Số A đường B, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng (đã bị tuyên bố là người mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2021/VDS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức M và chị Phạm Thị Thanh N kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn

A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 3 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình bố, mẹ đẻ anh M ở tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A. Quá trình chung sống, hai người hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 5 năm 2013, chị Phạm Thị Thanh N đã bỏ đi biệt tích, không để lại địa chỉ, gia đình cũng tìm kiếm nhiều nơi nhưng đều không có kết quả, không ai biết được tin tức gì xác thực về việc chị Phạm Thị Thanh N còn sống hay đã chết. Vì vậy anh Nguyễn Đức M đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A tuyên bố chị Phạm Thị Thanh N là người mất tích. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2021/VDS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố chị Phạm Thị Thanh N là người mất tích. Nay anh Nguyễn Đức M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Đức M được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh N.

Về con chung: Vợ chồng có các con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2008; Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2011 và Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012, các con chung hiện đang do anh Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh M đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Nguyễn Đức M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2021/VDS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố chị Phạm Thị Thanh N là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho chị Phạm Thị Thanh N các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không có quan điểm của chị Phạm Thị Thanh N về việc anh Nguyễn Đức M xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên đã không chấp hành các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Đức M được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh N; về con chung, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao các con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2008; Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2011 và Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, chị Phạm Thị Thanh N có nơi cư trú cuối cùng tại tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Anh Nguyễn Đức M có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt; chị Phạm Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định anh Nguyễn Đức M và chị Phạm Thị Thanh N kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 3 năm 2008. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên từ tháng 5 năm 2013, chị Phạm Thị Thanh N đã bỏ đi biệt tích, không để lại địa chỉ, không ai biết được tin tức xác thực về việc chị N còn sống hay đã chết. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2021/VDS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố chị Phạm Thị Thanh N là người mất tích. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức M, xử cho anh Nguyễn Đức M được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh N.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Đức M và chị Phạm Thị Thanh N có các con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2008; Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2011 và Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012; các con chung hiện do anh Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị Phạm Thị Thanh N là người bị tuyên bố mất tích nên cần giao các con chung cho anh Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Ly hôn anh Nguyễn Đức M có quan điểm tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do anh Nguyễn Đức M không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các bên đương sự có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con hoặc về tài sản chung, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Đức M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức M được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2008; Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2011 và Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012 cho anh Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tạm thời không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Anh Nguyễn Đức M đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0013148 ngày 05 tháng 5 năm 2021) nên không phải nộp tiếp.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND thị trấn A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch